ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 13 tháng 10 năm 2026

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN NĂM HỌC 2026-2027
LỊCH THI HỌC KỲ 1 - GIAI ĐOẠN 1
(Khóa 57,58, 59 hệ Chính quy)

STT	Ngày thi	Ca thi	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Ghi chú
1	30/10/2026	Ca 1	Công nghệ ngân hàng	3	Viết + Thực hành máy	28	1	A5.2 (PM2)	K58
		Ca 2				28			
		Ca 3				27			
		Ca 1	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3	Viết	309	10	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3, A2.4, A2.5	K57
		Ca 2	Kế toán thuế	3	Viết	60	2	A1.1, A1.2	K58
		Ca 2	Thống kê trong Kinh tế và Kinh doanh	3	Viết	179	6	A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3	K57
		Ca 3	Quản trị học	3	Viết	735	24	B1.1, B2.1, B2.4, B3.2, B3.3, B3.4, B4.1, B4.2, B4.3, B4.4, B4.5, B5.1, B5.2, B5.3, A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3, A2.4, A2.5	K59
2	31/10/2026	Ca 1	Chuyển đổi số	3	Viết	19	1	A4.4	K58
		Ca 1	Marketing căn bản	3	Trắc nghiệm	400	13	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3, A2.4, A2.5, A3.1, A3.2, A3.3	K59
		Ca 1	Tài chính doanh nghiệp 2	3	Viết	131	5	A3.4, A3.5, A4.1, A4.2, A4.3	K57
		Ca 3	Hệ thống thông tin quản lý	3	Trắc nghiệm	357	11	B1.1, B2.1, B2.4, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5, B4.1, B4.2, B4.5, B4.3	K59
3	02/11/2026	Ca 1	Đàm phán kinh doanh	3	Viết	205	7	A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3	K57
		Ca 1	Kế toán công 1	3	Trắc nghiệm	51	2	A2.4, A2.5	K57
		Ca 1	Kế toán công 2	3	Viết	34	1	A3.1	K57
		Ca 1	Kinh tế và Chính sách phát triển vùng	3	Viết	72	3	A3.2, A3.3, A3.4	K57
		Ca 1	Quản trị rủi ro tài chính	3	Viết	37	1	A1.1	K57
		Ca 1 Ca 2	Lập trình ứng dụng Web	3	Vấn đáp	8 8	1	C2.1	K57
		Ca 2	Marketing số	3	Trắc nghiệm	114	4	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4	K58
		Ca 2	Quản trị sản phẩm	3	Viết	127	4	A1.5, A2.1, A2.2, A2.3	K58
		Ca 2	Thị trường chứng khoán	3	Trắc nghiệm	166	6	A2.4, A2.5, A3.1, A3.2, A3.3, A3.4	K58

STT	Ngày thi	Ca thi	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Ghi chú
3	02/11/2026	Ca 3	Kinh tế vi mô	3	Viết	591	19	B1.1, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5, B4.1, B4.2, B4.3, B4.4, B4.5, B5.1, B5.2, B5.3, A1.1, A1.2, A1.3, A1.4	K59
		Ca 3	Kinh tế vi mô 1	3	Viết	56	2	A1.5, A2.1	K57
4	03/11/2026	Ca 1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Viết	708	23	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3, A2.4, A2.5, A3.1, A3.2, A3.3, A3.4, A3.5, A4.1, A4.2, A4.3, A4.4, A4.5, B3.1, B3.2, B3.3	K58; K59
		Ca 2	Kinh tế nông nghiệp	3	Viết	6	1	A1.3	K58
		Ca 2	Kinh tế vĩ mô 2	3	Viết	2	1	A1.2	K57
		Ca 2	Kinh tế vĩ mô ứng dụng	3	Viết	62	3	A1.1, A1.2, A1.3	K58
		Ca 2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	Viết	26	1	A1.4	K58
		Ca 3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Viết	79	2	B2.1, B2.4	K57
		Ca 3	Kinh tế quốc tế	3	Trắc nghiệm	122	5	B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5	K57; K59
5	05/11/2026	Ca 1	Kế toán quản trị	3	Trắc nghiệm	120	4	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4	K58
		Ca 1	Kế toán quản trị 1	3	Trắc nghiệm	35	2	A1.5, A1.4	K57
		Ca 1	Lãnh đạo	3	Viết	197	7	A2.1, A2.2, A2.3, A2.4, A2.5, A3.1, A3.2	K57
		Ca 1	Marketing quốc tế	3	Viết	73	3	A3.3, A3.4, A3.5	K57
		Ca 2	Kinh tế đầu tư	3	Viết	57	2	A2.2, A2.3	K57
		Ca 2	Thanh toán điện tử	3	Viết	181	6	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1	K57
		Ca 2	Thống kê du lịch	3	Viết	41	2	A3.2, A3.3	K57
		Ca 3	Kinh tế vĩ mô	3	Viết	496	16	B2.1, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5, B4.1, B4.2, B4.3, B4.4, B4.5, B5.1, B5.2, B5.3, A1.2	K59
		Ca 3	Kinh tế vĩ mô 1	3	Viết	43	2	A1.3, A1.4	K57
		Ca 4	Nguyên lý kế toán	3	Trắc nghiệm	291	9	B2.2, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5, B4.1, B4.2	K59
		Ca 4	Nhập môn công nghệ tài chính	3	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	23	1	B4.3	K59
6	06/11/2026	Ca 1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Viết	600	20	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3, A2.4, A2.5, A3.1, A3.2, A3.3, A3.4, A3.5, A4.1, A4.2, A4.3, A4.4, A4.5	K58; K59
		Ca 1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Viết	27	1	B2.1	K58; K59
		Ca 1	Tin học ứng dụng nâng cao	3	Thi thực hành trên máy	24	1	A5.2 (PM2)	K58
		Ca 2	Marketing dịch vụ	3	Viết	344	11	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3, A2.4, A2.5, A3.1	K58
		Ca 2	Tài chính hành vi	3	Viết	75	3	A3.2, A3.3, A3.4	K57

STT	Ngày thi	Ca thi	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Ghi chú
6	06/11/2026	Ca 2	Thu hút và tuyển chọn nguồn nhân lực	3	Trắc nghiệm	95	3	A3.5, A4.1, A4.2	K58
		Ca 3	Quản trị chiến lược	3	Viết	271	8	B1.1, B2.1, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5	K59
		Ca 4	Lý thuyết thống kê	3	Viết	15	1	B4.1	K59
		Ca 4	Thương mại điện tử	3	Trắc nghiệm	253	8	B1.2, B2.2, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5	K57; K59
7	07/11/2026	Ca 1	Kế toán chi phí 1	3	Viết	27	1	A1.1	K57
		Ca 1	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	Viết	95	4	A1.2, A1.3, A1.4, A1.5	K58
		Ca 1	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	3	Viết	5	1	A1.5	K57
		Ca 1	Phân tích tài chính	3	Trắc nghiệm	71	3	A3.3, A3.4, A3.5	K57
		Ca 1	Quản lý thuế	3	Viết	63	2	A3.1, A3.2	K57
		Ca 1	Quản trị dịch vụ	3	Viết	146	5	A2.1, A2.2, A2.3, A2.4, A2.5	K58
		Ca 2	Kinh doanh số	3	Trắc nghiệm	203	7	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2	K59
		Ca 2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Viết	69	3	A2.3, A2.4, A2.5	K57
		Ca 3	Phương pháp nghiên cứu	3	Viết	616	20	B1.1, B2.1, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5, B4.1, B4.2, B4.3, B4.4, B4.5, B5.1, B5.2, B5.3, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5	K58; K59
8	09/11/2026	Ca 1	Khởi nghiệp đổi mới và sáng tạo	3	Vấn đáp	9	1	C2.1	K57
		Ca 2				9			
		Ca 1	Quản trị chuỗi cung	3	Vấn đáp	23	1	C2.3	K57
		Ca 2							
		Ca 3							
		Ca 4							
		Ca 1	Khởi sự doanh nghiệp	3	Viết	257	9	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3, A2.4	K57
		Ca 1	Phát triển du lịch cộng đồng	3	Viết	23	1	A2.5	K57
		Ca 1	Quản trị sản xuất và vận hành	3	Viết	77	3	A3.1, A3.2, A3.3	K57
		Ca 2	Phân tích lợi ích chi phí	3	Viết	62	2	A1.1, A1.2	K57
		Ca 2	Quản trị nguồn nhân lực	3	Trắc nghiệm	416	14	A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3, A2.4, A2.5, A3.1, A3.2, A3.3, A3.4, A4.1, A3.5	K59
		Ca 2	Thống kê nông nghiệp	3	Viết	14	1	A4.2	K57
		Ca 3	Chính trị học	3	Viết	38	1	B1.1	K59
		Ca 3	Kế toán quốc tế	3	Viết	72	3	B2.4, B3.1, B3.2	K57
		Ca 3	Kinh tế vi mô 2	3	Viết	8	1	B3.2	K57
		Ca 3	Kinh tế vi mô ứng dụng	3	Viết	193	6	B3.3, B3.4, B3.5, B4.1, B4.2, B4.5	K59
		Ca 4	Kế toán tài chính 1	3	Viết	28	1	B4.1	K57
		Ca 4	Kế toán tài chính căn bản	3	Viết	229	7	B1.2, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5	K59
9	10/11/2026	Ca 1	Hệ thống thông tin kế toán	3	Trắc nghiệm	59	2	A1.1, A1.2	K58
		Ca 1	Hệ thống thông tin kế toán 1	3	Trắc nghiệm	13	1	A1.3	K57

STT	Ngày thi	Ca thi	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Ghi chú
9	10/11/2026	Ca 1	Kinh doanh quốc tế	3	Viết	420	14	A1.4, A1.5, A2.2, A2.3, A2.4, A2.5, A3.1, A3.2, A3.3, A3.4, A3.5, A4.1, A4.2, A4.3	K57; K58
		Ca 1	Lập trình hướng đối tượng	3	Vấn đáp	10	1	C2.1	K58
		Ca 1	Quản lý và tổ chức sự kiện du lịch (MICE)	3	Viết	31	1	A2.1	K58
		Ca 2	Kế toán công	3	Viết	178	6	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1	K58
		Ca 2	Quản lý kinh doanh kho bãi	3	Viết	172	6	A2.4, A2.5, A3.1, A3.2, A3.3, A3.4	K57; K58
		Ca 2	Quản trị đánh giá thực hiện công việc	3	Viết	94	3	A3.5, A4.1, A4.2	K58
		Ca 3	Kinh tế nuôi trồng thủy sản	3	Trắc nghiệm	16	1	B4.3	K58
		Ca 3	Lịch sử văn minh thế giới	3	Viết	26	1	B4.2	K58
		Ca 3	Quản trị ngân hàng thương mại	3	Viết	161	5	B2.1, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3	K58
		Ca 3	Quản trị sản xuất	3	Viết	80	3	B3.4, B3.5, B4.1	K57
10	11/11/2026	Ca 1	Cơ sở lập trình	3	Vấn đáp	28	2	C2.1, C2.2	K59
		Ca 2							
		Ca 3							
		Ca 4							
		Ca 1	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3	Viết	74	3	A1.1, A1.2, A1.3	K57
		Ca 1	Quản trị thay đổi	3	Viết	88	3	A1.4, A1.5, A2.1	K57
		Ca 1	Thẩm định giá	3	Viết	47	2	A2.2, A2.3	K57
		Ca 2	Tiếng anh chuyên ngành (KDTM)	3	Viết	118	5	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5,	K57; K58; K59
		Ca 2	Tiếng Anh chuyên ngành (LOGISTICS)	3	Viết	133	6	A2.1, A2.2, A2.3, A2.4, A2.5, A3.1	K57; K58; K59
		Ca 3	Tài chính - tiền tệ	3	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	660	22	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, B1.1, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5, B4.1, B4.2, B4.3, B4.4, B4.5, B5.1, B5.2, B5.3, A2.2	K59
		Ca 3	Tài chính - tiền tệ 1	3	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	25	1	A2.3	K57
		Ca 4	Sở hữu và các thành phần kinh tế	3	Viết	37	1	B1.2	K59
		Ca 4	Tin học ứng dụng	3	Trắc nghiệm	58	2	B2.4, B3.1	K57
		Ca 4	Thuế	3	Trắc nghiệm	164	6	B3.2, B3.3, B3.4, B3.5, B4.1, B4.2	K59
12	12/11/2026	Ca 1	Hành vi tổ chức	3	Viết	147	5	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5	K58
		Ca 1	Kế toán quản trị 2	3	Viết	32	1	A2.1	K57
		Ca 1	Quản trị cơ sở lưu trú du lich	3	Viết	30	1	A2.2	K58
		Ca 1	Quản trị vận hành	3	Viết	81	3	A2.3, A2.4, A2.5	K58

STT	Ngày thi	Ca thi	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Ghi chú
12	12/11/2026	Ca 1	Tổ chức công tác kế toán trong môi trường công nghệ thông tin	3	Thi thực hành trên máy	44	1	A5.1 (PM1)	K58
		Ca 2				44			
		Ca 3				43			
		Ca 2	Quản lý dự án	3	Viết	124	4	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4	K57
		Ca 2	Quản trị xuất nhập khẩu	3	Viết	62	2	A1.5, A2.1	K58
		Ca 3	Kinh tế lượng	3	Viết	62	2	B2.1, B2.4	K57
		Ca 3	Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng và logistics	3	Viết	188	7	B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5, B4.1, B4.2	K59
		Ca 4	Quản trị tài chính	3	Viết	235	8	B2.2, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5, B4.1	K58
13	13/11/2026	Ca 1	Hành vi khách hàng	3	Viết	180	6	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1	K57
		Ca 1	Kế hoạch kinh doanh	3	Viết	58	2	A2.2, A2.3	K57
		Ca 1	Kế toán ngân hàng	3	Trắc nghiệm	103	4	A2.4, A2.5, A3.1, A3.2	K58
		Ca 1	Kiểm toán căn bản	3	Viết	187	7	A3.3, A3.4, A3.5, A4.1, A4.2, A4.3, A4.4	K59
		Ca 1	Tiền điện tử và hợp đồng thông minh	3	Vấn đáp	11	1	C2.1	K57
		Ca 2				11			
		Ca 2	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	Trắc nghiệm	133	5	A1.5, A2.1, A2.2, A2.3, A2.4	K57
		Ca 2	Kế hoạch kinh doanh nông nghiệp	3	Viết	4	1	A1.1	K57
		Ca 2	Marketing ngân hàng	3	Viết	30	1	A1.1	K57
		Ca 2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	81	3	A1.2, A1.3, A1.4	K57
		Ca 2	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Viết	58	2	A2.5, A3.1	K57
		Ca 2	Quản lý nguồn nhân lực công	3	Viết	50	2	A3.2, A3.3	K57
		Ca 3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Viết	542	17	B1.1, B2.1, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3, B3.4, B3.5, B4.1, B4.2, B4.3, B4.4, B4.5, B5.1, B5.2, B5.3, A1.1	K58; K59
		Ca 4	Quản trị kênh phân phối	3	Viết	125	4	B1.2, B2.2, B2.4, B3.1	K58
		Ca 4	Tài chính doanh nghiệp 1	3	Viết	78	3	B3.2, B3.3, B3.4	K57
14	14/11/2026	Ca 1	Marketing trên mạng xã hội	3	Viết	90	3	A2.5, A3.1, A3.2	K57
		Ca 1	Quản trị chất lượng	3	Viết	229	8	A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3, A2.4	K58
		Ca 1	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	Viết	33	1	A1.1	K57
		Ca 2	Thanh toán quốc tế	3	Trắc nghiệm	249	8	A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A2.1, A2.2, A2.3	K57; K58
		Ca 3	Khởi sự kinh doanh	3	Viết	205	7	B1.1, B2.1, B2.4, B3.1, B3.2, B3.3, B3.4	K58; K59
		Ca 3	Lập và phân tích dự án	3	Viết	173	6	B3.5, B4.1, B4.2, B4.3, B4.4, B4.5	K57

STT	Ngày thi	Ca thi	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số SV	Số phòng	Tên phòng	Ghi chú
14	14/11/2026	Ca 4	Bán lẻ điện tử	3	Nộp tiểu luận theo yêu cầu của giáo viên giảng dạy	244	1	VP QTKD 2	K58
		Ca 4	Phân tích báo cáo tài chính	3	Nộp tiểu luận theo yêu cầu của giáo viên giảng dạy	120	1	VP KTTC 1	K58
		Ca 4	Thiết kế điều tra	3	Nộp tiểu luận theo yêu cầu của giáo viên giảng dạy	14	1	VP HTTTKT 1	K58
		Ca 4	Thiết kế đồ họa và đa phương tiện	3	Nộp tiểu luận theo yêu cầu của giáo viên giảng dạy	104	1	VP QTKD 2	K58

Chú ý:
- Giờ thi:
+ Ca 1: Bắt đầu từ 7 giờ 30
+ Ca 2: Bắt đầu từ 9 giờ 30
+ Ca 3: Bắt đầu từ 13 giờ 30
+ Ca 4: Bắt đầu từ 15 giờ 30
- Địa điểm thi:
+ Phòng điều hành thi: **B2.3**
+ Giảng đường A, B, C: 99 Hồ Đắc Di

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC HUẾ

Phạm Xuân Hùng